



Chất lượng tạo nên uy tín khác biệt

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K
THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K

Trụ sở chính: Sân KTTM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Tel: (04) 44 500 668 - **Fax:** (04) 44 500 669

Email: thanglongkiemtoan@gmail.com

Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Định nghĩa của Báo cáo tài chính	1-3
2	Mục đích của Báo cáo tài chính	1-4
3	Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính	1-5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ PHÚC YÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công nghệ Xử lý Nước Yên Hòa xin gửi báo cáo tài chính của mình và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2014.

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	1-2
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	3-4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5-6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	9-24

Các thành viên Ban Giám đốc: Ông Nguyễn Văn Việt (Chủ tịch), Ông Đặng Văn Việt, Bà Nguyễn Thị Hồng, Bà Phạm Thị Trang, Ông Nguyễn Hồng Phúc.

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Thuế Long - TĐK là Công ty kiểm toán và dịch vụ thuế độc lập được cấp giấy phép hành nghề kiểm toán độc lập theo Quyết định số 100/2007/QĐ-ATK của Bộ Tài chính và được cấp giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán độc lập theo Quyết định số 100/2007/QĐ-ATK của Bộ Tài chính.

Công tá thành viên của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phù hợp trung thực theo hình thức tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc không nhận được yêu cầu trợ giúp.

Lưu ý của các thành viên Ban Giám đốc về việc lập Báo cáo tài chính đã trình bày như sau:

- Được tin cậy về độ chính xác và đầy đủ của các tài liệu kế toán và pháp lý.
- Nếu có các sự kiện bất thường, bất ngờ xảy ra trong năm tài chính, đã được lập trình tài chính trong báo cáo tài chính và giải thích trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính theo các quy định pháp luật. Công ty tiếp tục hoạt động và duy trì kế hoạch kinh doanh kinh doanh và triển vọng năm tài chính tiếp theo.

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên

Địa chỉ: Số nhà 06, Đường Quốc lộ 2, Làng Mới, Phường Hùng Vương, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo của Ban Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên (Sau đây viết tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 2500144243 ngày 17 tháng 11 năm 1999. Ngày 04 tháng 09 năm 2014 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4.

Theo đó, Vốn điều lệ của Công ty là 20.739.850.000 đồng.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Phúc Yên

Trụ sở chính: Số nhà 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại: 0211 3 854 328/ 3 511 006

Fax: 0211 3 872 542

Email: mtdtphucyen@yahoo.com

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Hải

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Đặng Văn Vịnh

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Huệ

Thành viên

Bà Phan Thu Trang

Thành viên

Ông Nguyễn Hồng Phú

Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Hải

Giám đốc

Ông Đặng Văn Vịnh

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc khẳng định các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên

Địa chỉ: Số nhà 06, Đường Quốc lộ 2, Làng Mới, Phường Hùng Vương, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo của Ban Giám đốc

- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, Chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phúc Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2015

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Huy Hải



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính (t) Hà Nội: Số 14, Quang Trung, phường 11, phường Văn Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội - Tel: (04) 44 500 668 - Fax: (04) 44 500 669
Chi nhánh Miền nam: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM - Tel: (08) 3 589 7462 - Fax: (08) 3 589 7464
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM: Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng - Tel: (08) 3 848 0763 - Fax: (08) 3 526 7187
Chi nhánh Đà Nẵng: Tô 2, khối 14, đường Bà Triệu - Tel: (05) 11 3 651 818 - Fax: (05) 11 3 651 868
Chi nhánh Lạng Sơn: - Tel: (025) 3 718 545 - Fax: (025) 3 716 264

Số. 41A /2015/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K



Tổng Giám đốc

Từ Quỳnh Hạnh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 số: 0313 – 2014 – 045 – 1

Kiểm toán viên

Nguyễn Trung Kiên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 số: 1129 – 2014 – 045 – 1

STT	Mã ngành	Mã nhóm	Mã chi tiết	Tên chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị
1	10	100	1000	Tổng cộng						
2	10	100	1001	Tổng cộng						
3	10	100	1002	Tổng cộng						
4	10	100	1003	Tổng cộng						
5	10	100	1004	Tổng cộng						
6	10	100	1005	Tổng cộng						
7	10	100	1006	Tổng cộng						
8	10	100	1007	Tổng cộng						
9	10	100	1008	Tổng cộng						
10	10	100	1009	Tổng cộng						
11	10	100	1010	Tổng cộng						
12	10	100	1011	Tổng cộng						
13	10	100	1012	Tổng cộng						
14	10	100	1013	Tổng cộng						
15	10	100	1014	Tổng cộng						
16	10	100	1015	Tổng cộng						
17	10	100	1016	Tổng cộng						
18	10	100	1017	Tổng cộng						
19	10	100	1018	Tổng cộng						
20	10	100	1019	Tổng cộng						
21	10	100	1020	Tổng cộng						
22	10	100	1021	Tổng cộng						
23	10	100	1022	Tổng cộng						
24	10	100	1023	Tổng cộng						
25	10	100	1024	Tổng cộng						
26	10	100	1025	Tổng cộng						
27	10	100	1026	Tổng cộng						
28	10	100	1027	Tổng cộng						
29	10	100	1028	Tổng cộng						
30	10	100	1029	Tổng cộng						
31	10	100	1030	Tổng cộng						
32	10	100	1031	Tổng cộng						
33	10	100	1032	Tổng cộng						
34	10	100	1033	Tổng cộng						
35	10	100	1034	Tổng cộng						
36	10	100	1035	Tổng cộng						
37	10	100	1036	Tổng cộng						
38	10	100	1037	Tổng cộng						
39	10	100	1038	Tổng cộng						
40	10	100	1039	Tổng cộng						
41	10	100	1040	Tổng cộng						
42	10	100	1041	Tổng cộng						
43	10	100	1042	Tổng cộng						
44	10	100	1043	Tổng cộng						
45	10	100	1044	Tổng cộng						
46	10	100	1045	Tổng cộng						
47	10	100	1046	Tổng cộng						
48	10	100	1047	Tổng cộng						
49	10	100	1048	Tổng cộng						
50	10	100	1049	Tổng cộng						
51	10	100	1050	Tổng cộng						
52	10	100	1051	Tổng cộng						
53	10	100	1052	Tổng cộng						
54	10	100	1053	Tổng cộng						
55	10	100	1054	Tổng cộng						
56	10	100	1055	Tổng cộng						
57	10	100	1056	Tổng cộng						
58	10	100	1057	Tổng cộng						
59	10	100	1058	Tổng cộng						
60	10	100	1059	Tổng cộng						
61	10	100	1060	Tổng cộng						
62	10	100	1061	Tổng cộng						
63	10	100	1062	Tổng cộng						
64	10	100	1063	Tổng cộng						
65	10	100	1064	Tổng cộng						
66	10	100	1065	Tổng cộng						
67	10	100	1066	Tổng cộng						
68	10	100	1067	Tổng cộng						
69	10	100	1068	Tổng cộng						
70	10	100	1069	Tổng cộng						
71	10	100	1070	Tổng cộng						
72	10	100	1071	Tổng cộng						
73	10	100	1072	Tổng cộng						
74	10	100	1073	Tổng cộng						
75	10	100	1074	Tổng cộng						
76	10	100	1075	Tổng cộng						
77	10	100	1076	Tổng cộng						
78	10	100	1077	Tổng cộng						
79	10	100	1078	Tổng cộng						
80	10	100	1079	Tổng cộng						
81	10	100	1080	Tổng cộng						
82	10	100	1081	Tổng cộng						
83	10	100	1082	Tổng cộng						
84	10	100	1083	Tổng cộng						
85	10	100	1084	Tổng cộng						
86	10	100	1085	Tổng cộng						
87	10	100	1086	Tổng cộng						
88	10	100	1087	Tổng cộng						
89	10	100	1088	Tổng cộng						
90	10	100	1089	Tổng cộng						
91	10	100	1090	Tổng cộng						
92	10	100	1091	Tổng cộng						
93	10	100	1092	Tổng cộng						
94	10	100	1093	Tổng cộng						
95	10	100	1094	Tổng cộng						
96	10	100	1095	Tổng cộng						
97	10	100	1096	Tổng cộng						
98	10	100	1097	Tổng cộng						
99	10	100	1098	Tổng cộng						
100	10	100	1099	Tổng cộng						

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.808.482.195	23.172.044.835
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		22.393.732.218	18.247.179.783
1. Tiền	111	V.01	17.943.732.218	13.797.179.783
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.450.000.000	4.450.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.249.133.069	3.530.554.767
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	3.724.679.523	610.486.000
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	160.559.000	1.527.752.848
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	2.363.894.546	1.392.315.919
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		523.578.820	249.119.736
1. Hàng tồn kho	141	V.05	523.578.820	249.119.736
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.642.038.088	1.145.190.549
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	333.298.539	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	1.308.739.549	1.145.190.549
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.686.347.437	71.139.295.786
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		34.652.347.437	71.115.295.786
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	27.644.256.937	55.214.459.686
- Nguyên giá	222		82.785.692.583	71.781.546.882
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.141.435.646)	(16.567.087.196)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	7.008.090.500	15.900.836.100
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		34.000.000	24.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	34.000.000	24.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		65.494.829.632	94.311.340.621

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		15.408.383.241	10.066.914.877
I. Nợ ngắn hạn	310		15.408.383.241	10.066.914.877
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		0	0
2. Phải trả người bán	312	V.11	7.388.535.283	5.039.017.771
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	163.257.000	36.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	1.193.598.045	1.059.258.633
5. Phải trả người lao động	315		1.697.899.805	0
6. Chi phí phải trả	316		1.062.591.000	465.000.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	2.074.725.842	1.566.708.478
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.827.776.266	1.900.929.995
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.086.446.391	84.244.425.744
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	25.078.359.742	24.541.992.590
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		19.938.458.567	19.938.458.567
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.150.382.752	1.150.382.752
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		299.826.000	299.826.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.888.298.423	2.351.931.271
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		801.394.000	801.394.000
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.16	25.008.086.649	59.702.433.154
1. Nguồn Kinh phí	432		5.977.565.644	15.453.473.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		19.030.521.005	44.248.960.154
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		65.494.829.632	94.311.340.621

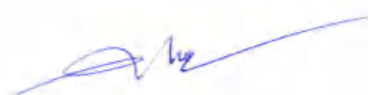
Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2015

Người lập



Vũ Khắc Hòa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Huệ



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.17	53.054.756.084	47.962.963.231
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		53.054.756.084	47.962.963.231
4. Giá vốn hàng bán	11	V.18	44.152.781.073	41.307.030.597
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.901.975.011	6.655.932.634
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.19	344.431.303	590.179.563
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	24		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.543.459.618	4.375.718.475
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.702.946.696	2.870.393.722
11. Thu nhập khác	31		0	241.422.400
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác	40		0	241.422.400
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.702.946.696	3.111.816.122
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	V.20	814.648.273	759.884.851
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.888.298.423	2.351.931.271
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.393	1.134

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2015

Người lập



Vũ Khắc Hòa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Huệ

Giám đốc



Nguyễn Huy Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	52.936.746.173	46.698.421.685
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(30.258.825.473)	(22.706.366.109)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.456.893.209)	(13.239.549.444)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	0	0
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.195.995.772)	(1.087.526.775)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.087.101.141	3.555.936.470
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.262.097.728)	(8.367.983.404)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.850.035.132	4.852.932.423
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	0	(5.989.701.600)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	344.431.303	590.179.563
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	344.431.303	(5.399.522.037)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.047.914.000)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.047.914.000)	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.146.552.435	(546.589.614)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.247.179.783	18.793.769.397
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	22.393.732.218	18.247.179.783

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng



Vũ Khắc Hòa



Nguyễn Thị Huệ



Nguyễn Huy Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên (“Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyên từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 2500144243 ngày 17/11/1999. Ngày 04/09/2014 Công ty được sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4. Theo đó, Vốn điều lệ của Công ty là 20.739.850.000 đồng, được chia làm là 2.073.985 cổ phần, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác đang nắm giữ cụ thể như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ góp vốn
Vốn góp nhà nước do các cá nhân làm chủ đại diện	1.829.224	18.292.240.000	88,2%
- Nguyễn Huy Hải	457.306	4.573.060.000	22,05%
- Đặng Văn Vịnh	274.384	2.743.840.000	13,23%
- Phan Thu Trang	182.922	1.829.220.000	8,82%
- Nguyễn Thị Huệ	182.922	1.829.220.000	8,82%
- Nguyễn Hồng Phú	731.690	7.316.900.000	35,28%
Vốn cổ đông khác	244.761	2.447.610.000	11,80%
Tổng	2.073.985	20.739.850.000	100%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Dịch vụ môi trường đô thị, Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nội thị, vỉa hè đường bộ và hệ thống nước đô thị;
- Phun nước chống bụi đường trên các tuyến đường;
- Quản lý, sửa chữa, vận hành lưới điện chiếu sáng công cộng, đèn trang trí, đèn tín hiệu giao thông các khu vực công ty được giao quản lý;
- Trồng, tu bổ vườn hoa, công viên, cây xanh, dịch vụ hoa tươi, cây cảnh, trang trí, ươm cây giống;
- Xây dựng công trình đường dây điện tới 35KV và trạm biến áp đến 560 KVA;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt công trình điện chiếu sáng công cộng, công trình nước sinh hoạt;
- Dịch vụ trông, rửa, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện giao thông đường bộ;
- Quản lý nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân và dịch vụ tang lễ;
- Thu gom, vận chuyển xử lý chất thải lỏng;
- Xây dựng, sửa chữa nhà ở và các công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ bằng ô tô;

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (của doanh nghiệp vừa sản xuất kinh doanh, vừa có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2014, không có hàng hóa nào cần trích lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có) và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	2 - 5

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn ;
- Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định đối với tài sản cố định đặc thù
- Lãi vay phải trả
- Chi phí phải trả các công trình

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại: Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu quỹ của Công ty. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

10. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

11.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

11.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

11.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11.4. Doanh thu Hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác.

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- **Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thụ hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

Ước tính Kế toán: Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	248.576.978	17.175.652
Tiền gửi ngân hàng	17.695.155.240	13.780.004.131
Tương đương tiền (*)	4.450.000.000	4.450.000.000
Cộng	<u>22.393.732.218</u>	<u>18.247.179.783</u>

(*) Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng của 2 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Bình Xuyên số tiền 2.000.000.000 VND và ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh Vĩnh Phúc số tiền 2.450.000.000 VND

2. Phải thu khách hàng

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công trình điện CSCC phố Bảo An	292.642.777	0
Công trình điện CSCC ngõ P Hùng Vương, Trung Trắc, Phúc Thắng	1.314.488.000	0
Công trình điện CSCC phố Yên Chung, các ngõ khác	350.434.000	0
Công trình điện CSCC đường Lê Quang Đạo	721.449.000	0
Công trình điện CSCC ngõ 6, ngõ 23	189.106.276	0
Công trình cải tạo Nghĩa Trang Liệt sỹ Thị xã	177.773.000	0
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	163.218.000	160.965.000
Công ty TNHH Đại Lải	16.335.000	27.000.000
Khách hàng khác	499.233.470	422.521.000
Cộng	<u>3.724.679.523</u>	<u>610.486.000</u>

3. Trả trước cho người bán

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lát hè Quốc lộ 2 đi làng Mới	34.030.000	34.030.000
Công ty TNHH Kim Việt	14.056.000	968.150.000
Xí nghiệp xây dựng thương mại Nghĩa Bình	40.823.000	40.823.000
Công ty Cổ phần tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Hà Nội	0	413.099.848
Công trình sơn đường Quốc lộ 2A và các tuyến phố Thị xã Phúc Yên	71.650.000	71.650.000
Cộng	<u>160.559.000</u>	<u>1.527.752.848</u>

4. Phải thu khác	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu nguồn kinh phí còn thiếu các Công trình:	2.184.041.329	1.341.973.201
- Công trình điện ngõ 6, ngõ 23	244.405.984	249.405.984
- Công trình điện Bảo An	0	337.369.824
- Công trình điện chiếu sáng công cộng GD 1	0	379.050.393
- Công trình điện ngõ xóm GD 1	376.147.000	376.147.000
- Công trình điện trang trí 2011	415.663.894	0
- Công trình điện trang trí 2012	319.686.993	0
- Công trình sơn dãi phân cách QL2	79.100.527	0
- Công trình lát hè phố Hùng Vương, Trung Nhị	334.543.000	0
- Công trình cải tạo rãnh nước thải đường Nguyễn Trãi	379.243.931	0
- Công trình mở rộng bãi rác	35.250.000	0
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	119.266.277	30.276.118
Phải thu về Cổ phần hóa	59.480.000	0
Phải thu khác	1.106.940	20.066.600
Cộng	<u>2.363.894.546</u>	<u>1.392.315.919</u>
5. Hàng tồn kho	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công cụ, dụng cụ	120.636.364	0
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	402.942.456	249.119.736
Cộng	<u>523.578.820</u>	<u>249.119.736</u>
6. Chi phí trả trước ngắn hạn	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	113.469.834	0
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	43.186.500	0
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	157.438.137	0
Sửa chữa khác	19.204.068	0
Cộng	<u>333.298.539</u>	<u>0</u>
7. Tài sản ngắn hạn khác	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng	1.308.739.549	1.145.190.549
Cộng	<u>1.308.739.549</u>	<u>1.145.190.549</u>

8. Tài sản cố định hữu hình									
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng			
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình									
Số dư đầu năm	6.190.936.628	121.770.000	21.005.618.100	214.262.000	44.248.960.154	71.781.546.882			
- Mua trong năm	0	0	0	0	11.004.145.701	11.004.145.701			
Số dư cuối năm	6.190.936.628	121.770.000	21.005.618.100	214.262.000	55.253.105.855	82.785.692.583			
II. Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	1.483.821.296	40.590.000	14.866.176.900	176.499.000	0	16.567.087.196			
- Khấu hao trong năm	331.465.100	40.590.000	1.963.299.500	16.409.000	36.222.584.850	38.574.348.450			
Số dư cuối năm	1.815.286.396	81.180.000	16.829.476.400	192.908.000	36.222.584.850	55.141.435.646			
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH									
- Tại ngày đầu năm	4.707.115.332	81.180.000	6.139.441.200	37.763.000	44.248.960.154	55.214.459.686			
- Tại ngày cuối năm	4.375.650.232	40.590.000	4.176.141.700	21.354.000	19.030.521.005	27.644.256.937			

* Nguyên giá tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã khấu hao hết đến ngày 31/12/2014 hiện nay Công ty vẫn đang còn sử dụng là 10.367.748.400 đồng.

* Tài sản cố định hữu hình khác là Tài sản cố định được nhà nước giao cho Công ty quản lý sử dụng, số khấu hao trong năm giá trị 36.222.584.850 đồng là số trích kê từ thời điểm đưa các tài sản cố định này vào sử dụng tới thời điểm 31 tháng 12 năm 2014.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình cải tạo rãnh thoát nước đường Nguyễn Trãi	0	3.588.537.500
Công trình chợ trung tâm thị xã Phúc yên	923.465.800	623.465.800
Công trình điện CSCC đường Trần Phú	400.000.000	400.000.000
Công trình lát hè đường Trưng Nhị	0	1.675.732.400
Công trình mương thoát nước phường Trung Trắc	1.065.320.000	93.021.000
Công trình sơn đường Quốc lộ 2A	0	322.644.800
Công trình trồng cây các tuyến đường thị xã	0	1.715.011.000
Điện CSCC ngõ xóm thị xã Phúc Yên GD 2	3.690.968.000	3.690.968.000
Điện trang trí thị xã Phúc Yên 2012	0	820.831.500
Điện trang trí thị xã Phúc Yên	0	1.535.251.900
Công trình khác	928.336.700	1.435.372.200
Cộng	<u>7.008.090.500</u>	<u>15.900.836.100</u>

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê nhà đội môi trường 3	0	24.000.000
Chi phí thuê nhà đội môi trường 3 (còn 5 tháng)	34.000.000	0
Cộng	<u>34.000.000</u>	<u>24.000.000</u>

11. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và xây dựng Vũ Hải	858.164.000	0
Công trình Điện ngõ xóm Giai Đoạn 2	550.105.760	550.105.760
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện Chiếu sáng Bình Minh	319.000.000	0
Công trình Điện CSCC phố Bảo An	536.068.692	460.419.462
Đội Điện Công ty Môi trường Công trình XD CB	692.013.053	481.749.053
Điện CSCC đường Quốc lộ 2 đi làng Mới	655.784.000	655.784.000
Công ty Cổ phần Điện Chiếu sáng và thiết bị điện tử Hồ Gươm - Công trình Điện ngõ xóm	253.325.000	253.325.000
Công ty TNHH tư vấn XDTM Hoàng Long	286.483.000	0
Công ty TNHH xây dựng Ninh Sơn	291.429.954	0
Công trình Điện CSCC đường Trần Phú	294.041.440	294.041.440
Công trình cải tạo Nghĩa Trang Liệt sỹ Thị xã Phúc Yên	278.389.000	0
Trung tâm 3M	443.436.000	57.330.000
Trung tâm Bắc Hà Nội	824.029.000	0
Công trình trồng cây các tuyến đường nội thị	10.441.142	260.755.922
Công trình Điện CSCC ngõ 6, ngõ 23	44.586.678	260.030.000
Công ty CP Tư vấn công trình Điện và Giao thông Hà Nội	0	259.598.000
Công ty TNHH xây dựng Sơn Yên	0	303.665.000
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hùng Hưng	0	347.017.000
Khách hàng khác	1.051.238.564	855.197.134
Cộng	<u>7.388.535.283</u>	<u>5.039.017.771</u>

12. Người mua trả tiền trước

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Phước An	0	36.000.000
Công trình KVS nhà 14 và thoát nước sàn nhà 10 Trường Sư phạm Hà Nội 2	163.257.000	0
Cộng	163.257.000	36.000.000

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế GTGT phải nộp	857.222.114	341.535.203
Thuế thu nhập doanh nghiệp	336.375.931	717.723.430
Cộng	1.193.598.045	1.059.258.633

14. Các khoản phải trả phải nộp khác

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn	104.820.547	65.416.513
Phải trả về cổ phần hóa	576.400.000	0
Phải trả, phải nộp khác	1.393.505.295	1.501.291.965
Cộng	2.074.725.842	1.566.708.478

15. Vốn chủ sở hữu
a- Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	18.853.760.060	891.269.618	309.979.262	97.122.687	801.394.000	4.928.150.952	25.881.676.519
- Tăng vốn trong năm trước	1.084.698.567	0	0	0	0	0	1.084.698.567
- Lãi trong năm trước	0	0	0	0	0	2.351.931.271	2.351.931.271
- Trích lập các quỹ	0	0	990.127.752	246.408.000	0	(2.665.699.752)	(1.429.164.000)
- Chia cổ tức	0	0	0	0	0	(2.262.451.200)	(2.262.451.200)
- Lỗ trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	(891.269.618)	(149.724.262)	(43.704.687)	0	0	(1.084.698.567)
Số dư đầu năm nay	19.938.458.567	0	1.150.382.752	299.826.000	801.394.000	2.351.931.271	24.541.992.590
- Tăng vốn trong năm nay	0	0	0	0	0	0	0
- Lãi trong năm nay	0	0	0	0	0	2.888.298.423	2.888.298.423
- Trích lập các quỹ	0	0	0	0	0	(277.946.271)	(277.946.271)
- Chia cổ tức	0	0	0	0	0	(2.073.985.000)	(2.073.985.000)
Số dư cuối năm nay	19.938.458.567	0	1.150.382.752	299.826.000	801.394.000	2.888.298.423	25.078.359.742

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 01/01/2014	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tên chủ sở hữu				
Vốn góp nhà nước	18.292.242.567	88,2%	18.292.242.567	88,2%
Cổ đông khác	2.447.610.000	11,8%	2.447.610.000	11,8%
Cộng	20.739.852.567	100%	20.739.852.567	100%

c. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.073.985	2.073.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.073.985	2.073.985
+ Cổ phiếu phổ thông	2.073.985	2.073.985
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.073.985	2.073.985
+ Cổ phiếu phổ thông	2.073.985	2.073.985
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

16. Nguồn kinh phí và quỹ khác

	Nguồn kinh phí	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Cộng
Số dư đầu năm	15.453.473.000	44.248.960.154	59.702.433.154
Tăng trong năm	0	0	0
<i>Tăng do Ngân sách cấp</i>	<i>721.369.824</i>	<i>0</i>	<i>721.369.824</i>
<i>Tăng do TSCĐ nhà nước giao</i>	<i>0</i>	<i>11.004.145.701</i>	<i>11.004.145.701</i>
Giảm trong năm	0		0
<i>Giảm do kết chuyển nguồn KP</i>	<i>(10.197.277.180)</i>	<i>0</i>	<i>(10.197.277.180)</i>
<i>Giảm do trích khấu hao</i>	<i>0</i>	<i>(36.222.584.850)</i>	<i>(36.222.584.850)</i>
Số dư cuối năm	5.977.565.644	19.030.521.005	25.008.086.649

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu dịch vụ công ích	45.942.656.997	37.898.821.000
Doanh thu khác	7.112.099.087	10.064.142.231
Cộng	53.054.756.084	47.962.963.231

18. Giá vốn hàng bán

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	37.771.417.705	32.214.697.984
Giá vốn doanh thu khác	6.381.363.368	9.092.332.613
Cộng	44.152.781.073	41.307.030.597

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	344.431.303	590.179.563
Cộng	344.431.303	590.179.563

20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận kế toán	3.702.946.696	3.111.816.122
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	0	0
Thu nhập chịu thuế	3.702.946.696	3.111.816.122
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính	814.648.273	777.954.031
Thuế TNDN được giảm theo TT 140/2012/TT-BTC	0	18.069.180
Chi phí thuế TNDN hiện hành	814.648.273	759.884.851

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

1.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc các cổ đông của Công ty (Bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

1.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	22.393.732.218	22.393.732.218
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
- Các khoản phải thu khách hàng	3.724.679.523	3.724.679.523
- Trả trước cho người bán	160.559.000	160.559.000
- Phải thu khác	2.363.894.546	2.363.894.546

1.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Số dư ngày 31/12/2014
- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	0
- Phải trả người bán	7.388.535.283
- Người mua trả tiền trước	163.257.000
- Phải trả khác	2.074.725.842

1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	7.388.535.283	0	7.388.535.283
- Người mua trả trước	163.257.000	0	163.257.000
- Phải trả khác	2.074.725.842	0	2.074.725.842
- Vay ngắn hạn	0	0	0
- Vay dài hạn	0	0	0

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu tại Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán MHD

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2015

Người lập

Vũ Khắc Hòa

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huệ

Giám đốc



Nguyễn Huy Hải

